

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO - BỘ NỘI VỤ -
BỘ TÀI CHÍNH**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỐI CAO - BỘ NỘI VỤ -
BỘ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2005

Số: 04/2005/TTLT-TANDTC-
BNV-BTC

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thi hành Quyết định số 171/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005
của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp
trách nhiệm đối với Thẩm phán, Thư ký Tòa án
và Thẩm tra viên ngành Tòa án**

Căn cứ Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn bảng lương chức vụ, bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước; bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 171/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với Thẩm phán, Thư

ký Tòa án và Thẩm tra viên ngành Tòa án,

Để thực hiện thống nhất chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Thẩm tra viên ngành Tòa án, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG; ĐIỀU KIỆN HƯỞNG PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Đối tượng hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề trong ngành Tòa án nhân dân

09384187

bao gồm Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên đang hưởng lương theo quy định tại Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn bảng lương chức vụ, bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước; bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát, cụ thể:

- a) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- b) Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- c) Thư ký Tòa án nhân dân các cấp;
- d) Thẩm tra viên cao cấp, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên.

2. Điều kiện hưởng phụ cấp trách nhiệm

Những người thuộc đối tượng hưởng phụ cấp trách nhiệm quy định tại điểm 1, mục I Thông tư này là những người được cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Trường hợp được bổ nhiệm trước ngày 01/10/2004 thì được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này từ ngày 01/10/2004. Trường hợp được bổ nhiệm từ ngày 01/10/2004 trở đi thì được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này từ ngày được bổ nhiệm.

II. MỨC PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM

Mức phụ cấp trách nhiệm theo nghề được thực hiện theo nguyên tắc người được bổ nhiệm vào chức danh nào thì hưởng mức phụ cấp quy định cho chức danh đó, cụ thể:

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được hưởng phụ cấp trách nhiệm bằng 20% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

2. Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được hưởng phụ cấp trách nhiệm bằng 25% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

3. Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được hưởng phụ cấp trách nhiệm bằng 30% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

4. Thư ký Tòa án các cấp được hưởng phụ cấp trách nhiệm bằng 20% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

5. Thẩm tra viên cao cấp được hưởng phụ cấp trách nhiệm bằng 15% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức

vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

6. Thẩm tra viên chính được hưởng phụ cấp trách nhiệm bằng 20% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

7. Thẩm tra viên được hưởng phụ cấp trách nhiệm bằng 25% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

Đối với các trường hợp là Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp dưới được bổ nhiệm làm Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp trên mà tổng tiền lương cộng với tiền phụ cấp trách nhiệm của chức danh mới được bổ nhiệm thấp hơn trước khi bổ nhiệm thì được bảo lưu chênh lệch giữa tiền lương cộng tiền phụ cấp trách nhiệm của chức danh mới được bổ nhiệm so với tiền lương cộng với tiền phụ cấp trách nhiệm đã được hưởng trước đó cho đến khi được nâng bậc lương liên kế. Quy định này cũng áp dụng đối với trường hợp Thẩm tra viên được bổ nhiệm làm Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên chính được bổ nhiệm làm Thẩm tra viên cao cấp.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A, Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện, đã được hưởng hệ số lương 4,32, bậc 7 của chức danh Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện,

thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01/01/2003 và hưởng mức 30% phụ cấp trách nhiệm. Tổng tiền lương và tiền phụ cấp trách nhiệm của ông A khi là Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện là:

$$(4,32 + 4,32 \times 30\%) \times 350.000đ = 1.965.600 \text{ đồng/tháng}$$

Ngày 01/01/2005, ông A được bổ nhiệm làm Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh, xếp hệ số lương 4,40 bậc 1 của chức danh Thẩm phán tỉnh, thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01/01/2003 và hưởng mức 25% phụ cấp trách nhiệm. Tổng tiền lương và tiền phụ cấp trách nhiệm của ông A khi là Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh là:

$$(4,40 + 4,40 \times 25\%) \times 350.000đ = 1.925.000 \text{ đồng/tháng}$$

Do tổng tiền lương và tiền phụ cấp trách nhiệm của ông A khi được bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh thấp hơn tổng tiền lương và phụ cấp trách nhiệm khi là Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện là 40.600 đồng/tháng (1.965.600 đồng - 1.925.000 đồng) nên ông A được hưởng bảo lưu phần chênh lệch 40.600 đồng/tháng từ ngày 01/01/2005 (ngày được bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh) cho đến khi ông A được nâng bậc lên hệ số lương 4,74 bậc 2 của chức danh Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

III. NGUỒN KINH PHÍ VÀ CÁCH CHI TRẢ

1. Nguồn kinh phí

Năm 2004 và năm 2005, nguồn kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Thẩm tra viên ngành Tòa án thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức thực hiện cải các tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Từ năm 2006 trở đi, kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Thẩm tra viên ngành Tòa án được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của ngành Tòa án nhân dân.

2. Cách chi trả

a) Phụ cấp trách nhiệm đối với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Thẩm tra viên thuộc biên chế trả lương của Tòa án nào thì do Tòa án đó chi trả;

b) Phụ cấp trách nhiệm được tính trả cùng kỳ lương hàng tháng và quyết toán theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính hiện hành;

c) Mức phụ cấp trách nhiệm quy định tại Thông tư này không được dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

3. Quản lý, quyết toán kinh phí

Việc quản lý, cấp phát, hạch toán và quyết toán kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Thẩm tra viên theo chế độ quản lý tài chính hiện hành và được hạch toán vào mục 102, tiểu mục 08 theo chương, loại, khoản tương ứng với mục lục ngân sách Nhà nước.

IV. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ Quy định về việc thực hiện chế độ bồi dưỡng đối với Thẩm phán, Thư ký Tòa án các cấp quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2001/TTLT-BTP-BTCCBCP-BTC-BCA ngày 28/3/2001 của Bộ Tư pháp, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ), Bộ Tài chính và Bộ Công an hướng dẫn chế độ bồi dưỡng đối với một số chức danh tư pháp.

3. Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Thẩm tra viên theo hướng dẫn tại Thông tư này được tính hưởng từ ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, đề nghị phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**

Trần Văn Tú

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Trọng Điều

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Tá